

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS - ST
Ngày: 12/05/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

TH1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tú.
2. Bà Đỗ Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST - HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2022/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trần Hữu H (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 1x/x/197x tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam, con ông Trần Hữu Ch và bà Lê Thị Kh. Bị cáo có vợ là Vương Thị M, bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2008. Gia đình bị cáo có 09 chị em bị cáo là con thứ 06 trong gia đình. Bị cáo có nhân thân: Tốt. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Bị cáo Trương Văn Th (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 2x/1x/199x tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam, con ông Trương Văn L và bà Phạm Thị T. Bị cáo có vợ là Y Ng, bị cáo có 01 người con, sinh năm 2016. Gia đình bị cáo có 03 anh em bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Bị cáo có nhân thân: Tốt. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 01 năm 2022 đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa).*

3. Bị cáo **A Q** (*Tên gọi khác: Không*); sinh ngày: 01/01/1983 tại huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Ca Dong; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam, con ông A Đ và bà Y X. Bị cáo có vợ là Y H, bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Gia đình bị cáo có 05 anh em bị cáo là con cả trong gia đình. Bị cáo có nhân thân: Tốt. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 01 năm 2022 đến nay. (*Có mặt tại phiên tòa*).

- *Bị hại*: Công ty Điện lực K. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực K.

Địa chỉ: 184 T, phường T, TH1 Phố K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Gi - Chức vụ: Giám đốc điện lực P. (*Theo văn bản ủy quyền số: 1437/GUQ-KTPC ngày 29 tháng 4 năm 2022*).

Địa chỉ: 92 V, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. (*Có mặt tại phiên tòa*).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Trương Thị Ngọc H; Sinh năm: 196x; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

+ Bà Nguyễn Thị Nh; Sinh năm: 198x; Địa chỉ: Tổ 3, phường Ng, TH1 phố K, tỉnh Kon Tum. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

+ Anh Nguyễn Tân Th; Sinh năm: 198x; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

+ Bà Vương Thị M; Sinh năm: 197x; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người phiên dịch*: Ông A S - Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam huyện K. (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/9/2021, ông Hứa Hà Ph là nhân viên Điện lực K đi kiểm tra thì phát hiện cột điện số 28 thuộc tuyến đường dây 22KV khu vực xã N, huyện K bị chiếm đoạt nên đến Công an xã N trình báo sự việc. Qua quá trình điều tra, xác minh phát hiện: Vào ngày 24 tháng 9 năm 2021, Trần Hữu H vì muốn có 01 cây sắt cứng để làm trụ máy tời và muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định tháo trộm cột điện sắt số 28 tuyến 22KV do Điện lực huyện K quản lý, sử dụng, thuộc Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Trước khi bị chiếm đoạt, một phần sắt của cây cột điện từ thanh giằng ngang số 14 đến thanh số 28 đã được Điện lực K tháo dỡ từ trước để sử dụng vào mục đích khác). Để thực hiện mục đích này, H gặp Trương Văn Th đề cập vấn đề với Th đi tháo cây cột điện lấy sắt, thống nhất với Th là trả cho Th 200.000 đồng/ngày và nói Th tìm thêm 01 người nữa để đi làm cùng và Th đồng ý. Sáng ngày 24/9/2021, Th rủ thêm A Q đi tháo dỡ cột điện và A Q đồng ý. Trương Văn Th và A Q đi đến gặp H để cùng

nhau đi tháo dỡ cột điện sắt. Trước khi đi, H chuẩn bị một con dao rựa và dẫn Th, Q cùng nhau đi đến khu vực có cây cột điện thuộc thôn Đ, xã N. Cả ba người đi 02 xe máy đến khu vực này và để xe bên đường sau đó cùng nhau đi bộ lên khu vực đồi núi, vị trí có cây cột điện. Khi còn cách cây cột điện khoảng 50 mét thì H mệt, không đi được nữa nên chỉ cho Th và Q cây cột điện số 28 tuyến 22KV và yêu cầu Th, Q tháo lấy sắt. Th và Q tiếp tục đi đến vị trí cây cột điện, tiến hành dùng dao rựa phát dọn xung quanh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tháo cây cột điện, khi phát dọn xong Th và Q đi về nhà H. Sau đó, H đưa cho Th và Q 02 mỏ lết, 02 cờ lê để phục vụ cho việc tháo dỡ cây cột điện. Trong 02 ngày, Th và Q thực hiện việc tháo dỡ, H đứng chờ dưới đường Trường Sơn Đông. Khi Th và Q tháo được sắt mang xuống đường thì cả 03 người sử dụng 02 xe máy vận chuyển sắt về nhà H cất giấu. Đến ngày thứ ba, Th và Q tiếp tục lên vị trí cây cột điện để tháo phần sắt còn lại, do có một thanh sắt không tháo được nên Th báo cho H biết để H chuẩn bị xăng, nhớt, còn Th về nhà lấy 01 máy phát cỏ, Th gắn 01 lưỡi cắt sắt vào rồi mang đến vị trí cây cột điện để cắt sắt. Quá trình tháo dỡ cây cột điện, H chuẩn bị lương thực, nước uống, xăng nhớt cho Th và Q. Sau khi tháo dỡ sắt cây cột điện xong, H đưa cho Th và Q mỗi người 400.000 đồng. Toàn bộ số sắt từ cây cột điện do Th và Q tháo dỡ được H, Th và Q vận chuyển về nhà H cất giấu. Với số sắt này, Trần Hữu H giữ lại 01 thanh sắt dài, bán một phần cho bà Trương Thị Ngọc H được 1.660.000 đồng (*Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trần Hữu H còn khai đã bán số sắt còn lại cho ông Nguyễn Tấn Th được 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐG ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận giá trị cây cột điện tính đến thời điểm bị chiếm đoạt (sau khi đã trừ đi phần được tháo trước đó từ thanh giằng số 14 đến thanh giằng số 28) là 21.848.589 đồng (*Hai mươi một triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng*).

Vật chứng, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại vật chứng là 01 (một) thanh kim loại có dạng chữ V, chiều dài 495cm, có hai cạnh bên bằng nhau kích thước 09cm, phần đầu được uốn gấp, có gắn phần đế bằng kim loại có dạng hình vuông kích thước (25 x 25)cm, dày 02cm, phần đế có 02 lỗ khoan để bắt ốc, phần đầu còn lại có 25 lỗ khoan để bắt ốc, xếp dọc theo cạnh của thanh kim loại cho Công ty Điện lực K.

- Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông còn tạm giữ:

+ 01 (một) máy cắt cỏ màu đỏ cam, nhãn hiệu KOMATSU, tình trạng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) lưỡi cưa sắt, màu xanh, có đường kính 25,5 cm, dày 0,2 mm, tình trạng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) com dao rựa có tổng chiều dài 67,5 cm, phần lưỡi bằng kim loại, mũi quắm dài 30,5 cm, phần cán gỗ có chiều dài 37 cm.

+ 01 (một) xe mô tô màu xanh đen, biển kiểm soát 22H5-0728 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lục Văn V, sinh năm 1944.

+ 01 (một) USB được bỏ vào phong bì dán kín và có chữ ký của ông Trịnh Thanh H, Trương Tấn Ph, Đinh Công Th, Phạm H và bà Trương Thị Ngọc H.

+ Số tiền 2.400.000 đồng (Trần Hữu H nộp 2.000.000 đồng và Trương Văn Th nộp 400.000 đồng) để khắc phục bồi thường một phần thiệt hại.

- Đối với xe máy độ chế của Trương Văn Th là phương tiện dùng vào việc phạm tội, sau khi thực hiện hành vi do xe bị hỏng nên Th khai đã bán cho một người mua phế liệu không rõ lai lịch với giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) nên không thu giữ được.

- Đối với số sắt vật chứng Trần Hữu H bán cho bà Trương Thị Ngọc H, bà H bán cho bà Nguyễn Thị Nh. Sau đó bà Nh bán cho một người thu mua phế liệu không rõ lai lịch nên không có căn cứ truy tìm, thu giữ được.

- Đối với số sắt vật chứng Trần Hữu H khai đã bán cho ông Nguyễn Tấn Th nhưng ông TH1 không thừa nhận việc mua số sắt trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả nên không có căn cứ truy tìm, thu giữ được.

- Đối với 02 cờ lê, 02 mỏ lết là công cụ do Trần Hữu H cung cấp cho Trương Văn Th và A Q thực hiện hành vi phạm tội, sau khi thực hiện xong, Th và Q khai đã mang về nhà H. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông đã tiến hành khám xét tại nhà Trần Hữu H nhưng không tìm thấy.

Tại Bản Cáo trạng số: 06/CT - VKS ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th, A Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hữu H từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Hữu H.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58 các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn Th 18 (Mười tám) đến 21 (Hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Trương Văn Th có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa

phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Trương Văn Th.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo A Q 18 (Mười tám) đến 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo A Q có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo A Q.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Kon Plông đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) thanh kim loại có dạng chữ V, chiều dài 495 cm, có hai cạnh bên bằng nhau kích thước 09 cm, phần đầu được uốn gập, có gắn phần đế bằng kim loại có dạng hình vuông kích thước (25 x 25) cm, dày 02 cm, phần đế có 02 lỗ khoan để bắt ốc, phần đầu còn lại có 25 lỗ khoan để bắt ốc, xếp dọc theo cạnh của thanh kim loại cho Công ty Điện lực K là chủ sở hữu hợp pháp nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Căn cứ theo các Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- **Đề nghị HĐXX tịch thu sung công quỹ nhà nước:**

+ 01 (một) máy cắt cỏ màu đỏ cam, nhãn hiệu KOMATSU, tình trạng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) xe mô tô màu xanh đen, biển kiểm soát 22H5-0728 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lục Văn V, sinh năm 1944.

+ Truy thu số tiền 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) của Trương Văn Th đã bán chiếc xe mô tô là phương tiện dùng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

- **Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy:**

+ 01 (một) lưỡi cưa sắt, màu xanh, có đường kính 25,5cm, dày 0,2 mm, tình trạng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) con dao rựa có tổng chiều dài 67,5 cm, phần lưỡi bằng kim loại, mũi quắm dài 30,5 cm, phần cán gỗ có chiều dài 37 cm.

- Đối với 01 (một) USB được bỏ vào phong bì dán kín và có chữ ký của ông Trịnh Thanh H, Trương Tấn Ph, Đinh Công Th, Phạm H và bà Trương Thị Ngọc H đề nghị HĐXX lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 2.400.000 đồng (bị cáo Trần Hữu H nộp 2.000.000đồng và bị cáo Trương Văn Th 400.000đồng). Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông đang tạm giữ nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự; Buộc

các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty Điện lực K theo quy định của pháp luật.

Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng; không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa, đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q tiếp tục bồi thường số tiền thiệt hại về tài sản còn lại theo kết luận định giá và trừ đi giá trị thanh sắt mà bị hại đã nhận lại là $52,97\text{kg} \times 8.500\text{đ}/\text{kg} = 450.245$ đồng, cụ thể: $(21.848.589 \text{ đồng} - 450.245 \text{ đồng} = 21.398.344 \text{ đồng})$. Trong đó bị cáo Trần Hữu H đã bồi thường cho bị hại 1.000.000 đồng. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q đều thừa nhận hành vi tháo dỡ trộm cắp cây cột điện sắt của Công ty Điện lực K là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử, theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2021, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản (cây cột điện sắt số 28 đường dây 22KV), bị cáo Trần Hữu H gặp Trương Văn Th và bảo Th tìm thêm một người nữa để tháo dỡ cây cột điện sắt số 28 và trả cho mỗi người là 200.000đồng/01 ngày. Sau khi đồng ý với Trương Hữu

H, bị cáo Trương Văn Th rủ bị cáo A Q cùng thực hiện hành vi lén lút, bí mật tháo dỡ cây cột điện sắt số 28 đường dây 22KV của Công ty Điện lực K (giao cho Điện lực Kon Plông quản lý) nằm trong địa giới hành chính xã N, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum để lấy sắt với mục đích để dùng và bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi thực hiện xong việc tháo dỡ trụ điện và vận chuyển toàn bộ số sắt về nhà H cất giấu, H đưa cho Th và Q mỗi người 400.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hành vi tháo dỡ trộm sắt cây cột điện bị cáo Trương Văn Th và A Q đều biết cây cột điện sắt số 28 đường dây 22KV là tài sản của Công ty Điện lực K (thuộc quản lý của Điện lực Kon Plông) không phải tài sản của bị cáo Trần Hữu H nhưng vẫn đồng ý và cố ý cùng thực hiện việc tháo dỡ trụ điện của Công ty Điện lực K để trộm cắp sắt chiếm đoạt số lượng sắt của cây cột điện có giá trị định giá là 21.848.589 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*). Hành vi của các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi trên của các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q đã đủ yếu tố cấu TH1 tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty Điện lực K được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an trên địa bàn. Động cơ phạm tội của các bị cáo vì mục đích vụ lợi. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu của cá nhân, nên các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản (cây cột điện sắt số 28 đường dây 22KV) của Công ty Điện lực K gây thiệt hại về tài sản theo kết luận định giá là 21.848.589 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*).

[4]. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo có sự chuẩn bị công cụ, có sự thống nhất ý chí từ trước để tháo dỡ trộm cắp cây cột điện để lấy sắt với mục đích cá nhân và bán lấy tiền tiêu xài, nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ và phân công trách nhiệm từng đồng phạm cụ thể. Do vậy, khi xem xét vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử nhận định, cụ thể như sau:

[4.1] Đối với bị cáo Trần Hữu H có vai trò chính trong vụ án, vừa có vai trò là chủ mưu, khởi xướng, thực hành, vừa có vai trò là người giúp sức trong vụ án. Bị cáo H là người nảy sinh ý định phạm tội, trực tiếp đặt vấn đề với Trương Văn Th và bảo Th tìm thêm một người để cùng thực hiện hành vi trộm cắp; Bị cáo H

dẫn Trương Văn Th và A Q đến vị trí cây cột điện sắt số 28 đường dây 22KV chỉ cho Th và Q tháo dỡ; chuẩn bị và cung cấp công cụ, phương tiện, thức ăn, nước uống để Th và A Q thực hiện hành vi tháo dỡ thanh sắt trên cột điện; H trực tiếp cùng các bị cáo Th, Q vận chuyển, thu gom toàn bộ số sắt trộm cắp về nhà bị cáo, trực tiếp tìm người để bán toàn bộ tài sản trộm cắp được 2.860.000 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) để lấy tiền tiêu xài cá nhân và đưa cho Th, Q mỗi người 400.000 đồng. Do vậy, bị cáo Trần Hữu H phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ tài sản bị thiệt hại đã gây ra với số tổng số tiền theo định giá. Bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất so với các bị Th và A Q.

[4.2] Đối với bị cáo Trương Văn Th tiếp nhận ý chí của bị cáo Trần Hữu H và rủ A Q cùng thực hiện trộm cắp sắt cây trụ điện và được H chỉ dẫn đến vị trí nơi có cây cột điện sắt tháo dỡ; bị cáo Th biết cây cột điện sắt số 28 đường dây 22KV không phải là tài sản của bị cáo H nhưng bị cáo vẫn đồng ý tháo dỡ để lấy sắt; bị cáo Th chuẩn bị công cụ, phương tiện và được sự giúp đỡ về mặt công cụ, phương tiện từ H đã trực tiếp thực hiện hành vi tháo dỡ cột điện, trong quá trình tháo dỡ, có một thanh sắt không tháo được nên Th về nhà lấy 01 máy phát cỏ, Th gắn 01 lưỡi cắt sắt vào rồi mang đến vị trí cây cột điện để cắt sắt. Sau khi tháo dỡ xong, Th cùng các bị cáo H và A Q dùng phương tiện xe mô tô của mình vận chuyển về tập kết tại nhà bị cáo H cất giấu. Bị cáo Trương Văn Th có vai trò là người thực hành tích cực trong vụ án. Do vậy, bị cáo Th phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ tài sản bị thiệt hại đã gây ra với số tổng số tiền theo định giá. Bị cáo phải chịu hình phạt thứ 2 sau bị cáo H.

[4.3] Đối với bị cáo A Q có vai trò là người thực hành, bị cáo tiếp nhận ý chí từ bị cáo Th rủ rê đi tháo dỡ, trộm cắp sắt trụ điện và bị cáo A Q với ý thức chủ quan là đã biết được Trụ điện sắt không phải của bị cáo H và Th nhưng đồng ý tham gia tháo dỡ trộm cắp tài sản, cùng với bị cáo H và Th thu gom số sắt trộm cắp được về nhà bị cáo H là đồng phạm nhưng vai trò của bị cáo A Q không đáng kể so với bị cáo H và Th. Bị cáo A Q đã đồng ý tham gia khi Th rủ và trực tiếp tháo dỡ các thanh sắt của trụ điện lực và được H đưa 400.000 đồng. Do vậy, bị cáo A Q phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm về toàn bộ tài sản bị thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra với số tổng số tiền theo định giá. Bị cáo phải chịu hình phạt thứ 3 sau bị cáo H và Th.

Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q một mức án nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo TH1 người có ích cho xã hội. Đồng thời, răn đe phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trên địa bàn hiện nay nhất là đối với người chủ mưu. Tuy nhiên, cũng cần xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo để xem xét khi lượng hình đối với từng bị cáo.

[5] Về đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân*: Các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q đều TH1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Hữu H đã bồi thường 1.000.000đồng và nộp lại 2.000.000đồng; Trương Văn Th đã nộp lại 400.000đồng để bồi thường thiệt hại do mình gây ra nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều không có tài sản, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định; ngoài ra bị cáo Th và Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Theo kết luận của Hội đồng định giá tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 21.848.589 đồng (*Hai mươi một triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng*). Trong quá trình điều tra, và tại phiên tòa đại diện bị hại khai đã nhận lại 01 cây sắt có khối lượng 52,97kg x 8.500đ/kg = 450.245 đồng nên được trừ vào tổng số tiền bị thiệt hại theo định giá (21.848.589 đồng - 450.245 đồng = 21.398.344đồng) và bị cáo H đã bồi thường thiệt hại cho bị hại 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền thiệt hại về tài sản còn lại là 20.398.344 đồng (*Hai mươi triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng*).

Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 468; 584; 585; 586; 587; 589 *Bộ luật Dân sự*. Do vậy, căn cứ theo tính chất, mức độ, vai trò phạm tội thì phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của từng bị cáo buộc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Điện lực K, cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Hữu H là người chủ mưu, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo là người trực tiếp bán toàn bộ số sắt tháo dỡ từ cột điện để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên có trách nhiệm chính trong việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo H phải bồi thường số tiền thiệt hại cho Công ty Điện lực K là 16.398.344 đồng, bị cáo H đã bồi thường 1.000.000 đồng, còn lại 15.398.344 đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo ủy nhiệm chi ngày 20/4/2022, bị cáo H tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 13.398.344 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Bị cáo Trương Văn Th là người thực hiện với vai trò tích cực trong việc trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm thứ 2 trong việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Th phải bồi thường cho Công ty Điện lực K số tiền 3.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 400.000 đồng bị cáo đã nộp theo ủy nhiệm chi ngày 20/4/2022, bị cáo Th tiếp tục

bồi thường số tiền còn lại là 2.600.00 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Bị cáo A Q là người thực hiện hành vi phạm tội với vai trò không đáng kể trong việc trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm thứ 3 trong việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo A Q phải bồi thường cho Công ty Điện lực K số tiền 2.000.000 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự: *Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

[8]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 (một) xe mô tô màu xanh đen, biển kiểm soát 22H5-0728 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lục Văn V, sinh năm 1944, qua quá trình xác minh ông Vương khai năm 2010 ông đã bán chiếc xe này cho một người khác; sau đó ông Nguyễn Tấn Th mua và bán lại cho Trần Hữu H và ông Vương, ông TH1 không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản của bị cáo H đã dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vẫn còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 (một) máy cắt cỏ màu đỏ cam, nhãn hiệu KOMATSU, tình trạng đã qua sử dụng bị cáo Th đã dùng làm công cụ phạm tội, vẫn còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 (một) lưỡi cưa sắt, màu xanh, có đường kính 25,5 cm, dày 0,2mm, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) con dao rựa có tổng chiều dài 67,5cm, phần lưỡi bằng kim loại, mũi quắm dài 30,5 cm, phần cán gỗ có chiều dài 37cm các bị cáo đã dùng làm công cụ phạm tội, rỉ sét, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 (một) USB được bỏ vào phong bì dán kín và có chữ ký của Ông Trịnh Thanh H, Trương Tấn Ph, Đinh Công Th, Phạm H và bà Trương Thị Ngọc H. Xét thấy, đây là vật dụng có chứa những thông tin chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo H nên cần lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với 01 (một) thanh kim loại có dạng chữ V, chiều dài 495 cm, có hai cạnh bên bằng nhau kích thước 09cm, phần đầu được uốn gập, có gắn phần đế bằng kim loại có dạng hình vuông kích thước (25 x 25)cm, dày 02 cm, phần đế có 02 lỗ khoan để bắt ốc, phần đầu còn lại có 25 lỗ khoan để bắt ốc, xếp dọc theo cạnh của thanh kim loại Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả cho chủ sở hữu nên HĐXX xét thấy bị hại đã nhận lại thanh sắt với khối lượng là 52,97kg x 8.500đ/kg = 450.245 đồng, nên phải trừ vào giá trị thiệt hại theo định giá cụ thể: (21.848.589 đồng - 450.245 đồng = 21.398.344 đồng) để các bị cáo bồi thường số tiền còn lại 21.398.344đồng (*Hai mươi một triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng*) là phù hợp.

- Đối với xe máy độ chế của Trương Văn Th bị cáo khai là phương tiện dùng vào việc phạm tội, sau khi thực hiện hành vi do xe bị hỏng nên Th bán cho một

người mua phế liệu không rõ lai lịch với giá 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông không thu giữ được nên HĐXX xét thấy đây là phương tiện bị cáo Th dùng vào việc phạm tội, bị cáo Th đã bán với số tiền 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần phải truy thu đối với số tiền này và buộc bị cáo Trương Văn Th nộp lại số tiền 500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số sắt vật chứng Trần Hữu H bán cho bà Trương Thị Ngọc H, bà H bán cho bà Nguyễn Thị Nh. Sau đó bà Nh bán cho một người thu mua phế liệu không rõ lai lịch Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông không có căn cứ truy tìm, thu giữ nên HĐXX không xem xét.

- Đối với số sắt vật chứng Trần Hữu H khai đã bán cho ông Nguyễn Tấn Th nhưng ông TH1 không thừa nhận việc mua số sắt trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ truy tìm, thu giữ nên HĐXX không xem xét.

- Đối với 02 cò lê, 02 mỏ lết là công cụ do Trần Hữu H cung cấp cho Trương Văn Th và A Q thực hiện hành vi phạm tội, sau khi thực hiện xong, Th và Q khai đã mang về nhà H. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đã tiến hành khám xét tại nhà Trần Hữu H nhưng không tìm thấy nên HĐXX không xem xét.

“Tất cả có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông”

- Đối với số tiền 2.400.000 đồng (bị cáo Trần Hữu H nộp 2.000.000 đồng và bị cáo Trương Văn Th 400.000 đồng) theo ủy nhiệm chi ngày 20/4/2022. Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông đang tạm giữ nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[9]. Về tình tiết khác:

- Trong vụ án này có bà Trương Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Nh là người đã mua số sắt do các bị cáo trộm cắp, tuy nhiên bà H và bà Nh không biết tài sản trên do phạm tội mà có căn cứ theo lời khai và file ghi âm cuộc gọi điện trao đổi giữa bà H và bị cáo Trần Hữu H có tại hồ sơ vụ án. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm đối với họ là có căn cứ nên HĐXX không xem xét.

Bà Trương Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với việc bị cáo Trần Hữu H khai đã bán một phần sắt cho ông Nguyễn Tấn Th nhưng ông TH1 không thừa nhận việc mua số sắt trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả nên HĐXX không xem xét.

Ông Nguyễn Tấn Th có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Vương Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo Trần Hữu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trương Văn Th, A Q là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định số: 861/QĐ-TTĐ ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trương Văn Th và A Q theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th, A Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 17 (Mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Hữu H không có tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn Th 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Trương Văn Th có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Trương Văn Th.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A Q 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo A Q có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo A Q.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357; 468;

584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Trần Hữu H, Trương Văn Th và A Q phải liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại là Công ty Điện lực K số tiền còn lại là: 20.398.344 đồng, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo Trần Hữu H phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Điện lực K số tiền 15.398.344 đồng (Mười lăm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) bị cáo đã nộp theo ủy nhiệm chi ngày 20/4/2022. Còn lại bị cáo H tiếp tục bồi thường cho Công ty Điện lực K số tiền là 13.398.344 đồng (Mười ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo Trương Văn Th phải bồi thường cho Công ty Điện lực K số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) bị cáo đã nộp theo ủy nhiệm chi ngày 20/4/2022. Còn lại bị cáo Th tiếp tục bồi thường số tiền là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo A Q phải bồi thường cho Công ty Điện lực K số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

4.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) máy cắt cỏ màu đỏ cam, nhãn hiệu KOMATSU, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô màu xanh đen, biển kiểm soát 22H5-0728 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lục Văn V, sinh năm 1944.

- Truy thu số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) của Trương Văn Th đã bán chiếc xe mô tô là phương tiện dùng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

4.2. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) lưỡi cưa sắt, màu xanh, có đường kính 25,5cm, dày 0,2mm, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) con dao rựa có tổng chiều dài 67,5cm, phần lưỡi bằng kim loại, mũi quắm dài 30,5 cm, phần cán gỗ có chiều dài 37cm.

4.3. Tịch thu 01 (một) USB được bỏ vào phong bì dán kín và có chữ ký của ông Trịnh Thanh H, Trương Tấn Ph, Đinh Công Th, Phạm H và bà Trương Thị Ngọc H để lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

“Tất cả có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông”.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Hữu H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 669.917 đồng (*Sáu trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm mười bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trương Văn Th, A Q được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2022) các bị cáo, bị hại có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được qui định theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ